

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-PT
Ngày 25 - 9 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2018/TLPT-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 22/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh A, sinh năm 1979; cư trú tại ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị L (tên gọi khác: T), sinh năm 1979; cư trú tại ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Chị L là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh A trình bày: Năm 1998 anh và chị L tự nguyện kết hôn và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống anh và chị L phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh và chị L đã sống ly thân khoảng 06 tháng nay. Anh A và chị L có một con chung tên N, sinh ngày 29/4/2000, hiện nay

cháu N đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung anh và chị L tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh và chị L có nợ Ngân hàng P chi nhánh huyện V 90.000.000 đồng, nhưng đã thanh toán xong vào ngày 11/4/2018. Nay, anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị L.

Bị đơn chị L trình bày: Về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung chị thống nhất với trình bày của anh A. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, anh A đã có biểu hiện không chung thủy, nên chị đồng ý ly hôn với anh A. Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị và anh A tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 22/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 các Điều 217, 218 và 219 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 53, 55 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận anh A và chị L (T) là vợ chồng.

Về con chung: Cháu N, sinh ngày 29/4/2000, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/6/2018) cháu N đã thành niên, anh A và chị L không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh A và chị L đã tự thỏa thuận với nhau nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh A đối với chị L về việc yêu cầu chia đôi 90.000.000 đồng tiền nợ của Ngân hàng P. Anh A và chị L thống nhất xác định không còn nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, chị L kháng cáo bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 22/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Chị L yêu cầu anh A cho chị L ở lại ngôi nhà là tài sản riêng của anh A. Nếu anh A không chấp nhận thì yêu cầu trả tiền làm thuê cho chị trong 20 năm hoặc hỗ trợ cho chị tiền để chị mua được căn nhà khác để ở.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 22/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến tranh luận của các đương sự, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị L được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung vụ án: Đối với quan hệ hôn nhân, con chung và nợ chung các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[4] Xét kháng cáo của chị L yêu cầu anh A cho chị L ở lại căn nhà là tài sản riêng của anh A. Nếu anh A không chấp nhận thì yêu cầu trả tiền làm thuê cho chị trong 20 năm hoặc hỗ trợ cho chị tiền để chị mua được căn nhà khác để ở. Hội đồng xét xử xét thấy, theo anh A và chị L xác định, quá trình chung sống anh chị có nhận chuyển nhượng của bà T diện tích 4.255m² đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp A, xã H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu và mua một chiếc xe mô tô hiệu AirBlade. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai của chị L ngày 19/4/2018 (bút lục 35 -36), chị L xác định về tài sản chung tự thỏa thuận cho con là cháu N, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Mặt khác, tại Biên bản hòa giải ngày 18/5/2018 (bút lục 41 – 43), chị L xác định về tài sản chung, chị L thống nhất với anh A là cho cháu N 2,5 công tằm cấy đất trồng lúa và nhận 10.000.000 đồng tiền giá trị của chiếc xe Airblade, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung.

[6] Xét thấy, quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, chị L và anh A đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên cấp sơ thẩm không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật. Hơn nữa, chị L thừa nhận căn nhà và đất là của ông Q (cha ruột anh A), không phải là tài sản riêng của anh A, nên anh A không có quyền quyết định cho hay không cho chị L tiếp tục ở lại căn nhà này sau khi ly hôn.

[7] Ngoài ra, chị L còn yêu cầu nếu anh A không cho ở lại căn nhà thì phải trả tiền làm thuê cho chị trong thời hạn 20 năm hoặc hỗ trợ cho chị tiền mua được căn nhà khác để ở. Theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự thì Tòa án cấp phúc thẩm chỉ có quyền xem xét lại những vấn đề đã được thụ lý, giải quyết ở Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị. Đối với yêu cầu này tại cấp sơ thẩm chị L không yêu cầu và Tòa sơ thẩm cũng chưa xem xét, giải quyết. Do đó, Tòa án cấp

phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị L. Trường hợp có căn cứ chứng minh chị L và anh A có tài sản chung thì chị L có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[8] Như đã phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị L; có căn cứ chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[9] Các phần khác của bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Chị L phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; các Điều 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 53, 55 và 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của chị L, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 22/2018/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh A và chị L (T) là vợ chồng.

2. Về con chung: Cháu N, sinh ngày 29/4/2000, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 05/6/2018) cháu N đã thành niên, anh A và chị L không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh A và chị L đã tự thỏa thuận với nhau, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh A đối với chị L về việc yêu cầu chia đôi 90.000.000 đồng tiền nợ của Ngân hàng P. Anh A và chị L thống nhất xác định không còn nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh A phải chịu 300.000 đồng. Anh A đã nộp tạm ứng án phí 2.550.000 đồng theo biên lai thu số 0013099 ngày 29 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được đối trừ, hoàn trả lại cho anh A 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm chục nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: Chị L phải chịu 300.000 đồng. Chị L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009435 ngày 28 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Các đương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Nguyễn Lệ Kiều